

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ chi thường xuyên ngân sách huyện  
năm 2025 cho các ngành, các đơn vị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của Hội đồng nhân huyện Cát Hải khóa XI về phê chuẩn dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách huyện năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3993/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch huyện,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị, cụ thể như sau:

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Phòng Tài chính-Kế hoạch phân bổ kinh phí; các đơn vị thanh quyết toán theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cát Hải, các đơn vị có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./. *Chu*

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban KTXH HĐND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Tuấn Mạnh**



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Văn phòng HĐND và UBND huyện Cát Hải

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1061712 - Mã chương 605. Mã dự toán: 01

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                                                                                                                                    | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao   | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                                                                                                             |                  |                |                              |                                              |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                                                                                              |                  | 17.659.420.000 | 697.222.000                  | 16.962.198.000                               |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)                                                                                                        |                  | 13.451.913.000 | 684.222.000                  | 12.767.691.000                               |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                                                                                                            |                  |                |                              |                                              |
|     | Văn phòng HĐND và UBND                                                                                                                                                      | 341              | 13.153.241.000 | 679.222.000                  | 12.474.019.000                               |
|     | Hội Chữ thập đỏ                                                                                                                                                             | 362              | 298.672.000    | 5.000.000                    | 293.672.000                                  |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)                                                                                                       |                  | 235.507.000    | 0                            | 235.507.000                                  |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                                                                                                            |                  |                |                              |                                              |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                                                                                                                |                  |                |                              |                                              |
|     | Văn phòng HĐND và UBND                                                                                                                                                      | 341              | 225.230.000    |                              | 225.230.000                                  |
|     | Hội Chữ thập đỏ                                                                                                                                                             | 362              | 10.277.000     |                              | 10.277.000                                   |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên (Mã nguồn 12)                                                                                                                                |                  | 3.972.000.000  | 13.000.000                   | 3.959.000.000                                |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                                                                                                            |                  |                |                              |                                              |
|     | Gia hạn phần mềm                                                                                                                                                            | 341-100          | 12.000.000     |                              | 12.000.000                                   |
|     | Mua sắm tài sản                                                                                                                                                             | 341-200          | 200.000.000    |                              | 200.000.000                                  |
|     | Sửa chữa Văn phòng 81, Bạch Đằng, Văn phòng 2 khu Đôn Lương (thực hiện sau khi có thông báo kinh phí)                                                                       | 341-200          | 1.500.000.000  |                              | 1.500.000.000                                |
|     | Sửa chữa thường xuyên và khắc phục hậu quả cơn bão số 3 công trình nhà làm việc, các công trình phụ trợ, trụ sở HĐND - UBND huyện (thực hiện sau khi có thông báo kinh phí) | 341-200          | 2.000.000.000  |                              | 2.000.000.000                                |
|     | Sự nghiệp y tế dân số:                                                                                                                                                      |                  |                |                              |                                              |
|     | Chi nghiệp vụ                                                                                                                                                               | 131-100          | 130.000.000    | 13.000.000                   | 117.000.000                                  |
|     | Sự nghiệp đảm bảo xã hội                                                                                                                                                    |                  |                |                              |                                              |
|     | Kinh phí câu lạc bộ Hà Sen, Đôn lương, chiến sỹ Điện Biên, Hội tù đầy...                                                                                                    | 398-100          | 130.000.000    |                              | 130.000.000                                  |



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Cát Hải

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1061713- Mã chương: 618 . Mã dự toán: 01

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                             | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao  | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-----|----------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                      |                  |               |                              |                                              |
| 1.1 | Số thu phí, lệ phí                                                   |                  |               |                              |                                              |
| 1.2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                              |                  |               |                              |                                              |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                       |                  | 4.114.217.000 | 25.000.000                   | 4.089.217.000                                |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13) |                  | 2.575.444.000 | 25.000.000                   | 2.550.444.000                                |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                     |                  |               |                              |                                              |
|     | Chi thường xuyên                                                     | 341              | 2.575.444.000 | 25.000.000                   | 2.550.444.000                                |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ(Mã nguồn 18) |                  | 102.773.000   | 0                            | 102.773.000                                  |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                     |                  |               |                              |                                              |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                         | 341              | 102.773.000   |                              | 102.773.000                                  |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)            |                  | 1.436.000.000 | 0                            | 1.436.000.000                                |
|     | Gia hạn phần mềm                                                     | 341-100          | 21.000.000    |                              | 21.000.000                                   |
|     | Mua sắm tài sản                                                      | 341-200          | 215.000.000   |                              | 215.000.000                                  |
|     | Sửa chữa trụ sở Phòng Tài chính-Kế hoạch                             | 341-200          | 1.200.000.000 |                              | 1.200.000.000                                |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1006066** - Mã chương: **622** . Mã dự toán **01**ĐVT: *Đồng*

| TT         | Nội dung                                                                     | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao         | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| <b>1</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách</b>                                       |                  |                      |                              |                                              |
| <b>1.1</b> | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                    |                  |                      |                              |                                              |
| <b>1.2</b> | <b>Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích</b>                               |                  |                      |                              |                                              |
| <b>2</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                        |                  | <b>2.347.071.000</b> | <b>92.500.000</b>            | <b>2.254.571.000</b>                         |
| <b>2.1</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)</b>  |                  | <b>2.205.361.000</b> | <b>92.500.000</b>            | <b>2.112.861.000</b>                         |
|            | <i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>                                      |                  |                      |                              |                                              |
|            | Chi thường xuyên                                                             | 341              | 1.455.361.000        | 17.500.000                   | 1.437.861.000                                |
|            | <i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>                                         |                  |                      |                              |                                              |
|            | Chi thường xuyên                                                             | 098              | 750.000.000          | 75.000.000                   | 675.000.000                                  |
| <b>2.2</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)</b> |                  | <b>73.710.000</b>    | <b>0</b>                     | <b>73.710.000</b>                            |
|            | <i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>                                      |                  |                      |                              |                                              |
|            | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                 | 341              | 73.710.000           |                              | 73.710.000                                   |
| <b>2.3</b> | <b>Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)</b>             |                  | <b>68.000.000</b>    | <b>0</b>                     | <b>68.000.000</b>                            |
|            | <i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>                                      |                  |                      |                              |                                              |
|            | Gia hạn phần mềm                                                             | 341-100          | 13.000.000           |                              | 13.000.000                                   |
|            | Chi mua sắm tài sản                                                          | 341-200          | 55.000.000           |                              | 55.000.000                                   |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1071383- Mã chương: 620. Mã dự toán: 01**ĐVT: **Đồng**

| TT         | Nội dung                                                                                                                                                          | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao          | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| <b>1</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách</b>                                                                                                                            |                  |                       |                              |                                              |
| <b>1.1</b> | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                                                                                         |                  |                       |                              |                                              |
| <b>1.2</b> | <b>Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích</b>                                                                                                                    |                  |                       |                              |                                              |
| <b>2</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                                                                                             |                  | <b>10.975.430.000</b> | <b>17.500.000</b>            | <b>10.957.930.000</b>                        |
| <b>2.1</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)</b>                                                                                       |                  | <b>1.557.961.000</b>  | <b>17.500.000</b>            | <b>1.540.461.000</b>                         |
|            | <i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>                                                                                                                           |                  |                       |                              |                                              |
|            | Chi thường xuyên                                                                                                                                                  | 341              | 1.557.961.000         | 17.500.000                   | 1.540.461.000                                |
| <b>2.2</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)</b>                                                                                      |                  | <b>64.469.000</b>     | <b>0</b>                     | <b>64.469.000</b>                            |
|            | <i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>                                                                                                                           |                  |                       |                              |                                              |
|            | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                                                                                                      | 341              | 64.469.000            |                              | 64.469.000                                   |
| <b>2.3</b> | <b>Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)</b>                                                                                                  |                  | <b>9.353.000.000</b>  | <b>0</b>                     | <b>9.353.000.000</b>                         |
|            | <i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>                                                                                                                           |                  | <i>69.000.000</i>     | <i>0</i>                     | <i>69.000.000</i>                            |
|            | Gia hạn phần mềm                                                                                                                                                  | 341-100          | 9.000.000             |                              | 9.000.000                                    |
|            | Mua sắm tài sản                                                                                                                                                   | 341-200          | 60.000.000            |                              | 60.000.000                                   |
|            | <i>Sự nghiệp kinh tế</i>                                                                                                                                          |                  | <i>9.284.000.000</i>  | <i>0</i>                     | <i>9.284.000.000</i>                         |
|            | Nhiệm vụ đơn đặt hàng                                                                                                                                             | 312-100          | 6.884.000.000         |                              | 6.884.000.000                                |
|            | Quét vôi ve gốc cây, cột điện; sơn lan can cầu, tường hộ lan, gờ chắn xe đường giao thông và bến tàu đón Tết Ất Tỵ 2025 (thực hiện sau khi có thông báo kinh phí) | 312-200          | 400.000.000           |                              | 400.000.000                                  |
|            | Trang trí khuôn viên, đường hè đón Tết, Tết Ất Tỵ 2025 (thực hiện sau khi có thông báo kinh phí).                                                                 | 312-200          | 1.000.000.000         |                              | 1.000.000.000                                |
|            | Lắp đặt hệ thống đèn Led chiếu sáng trên các tuyến đường giao thông đón Tết Ất Tỵ 2025 (thực hiện sau khi có thông báo kinh phí)                                  | 312-200          | 1.000.000.000         |                              | 1.000.000.000                                |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1082468-** Mã chương: **626** . Mã dự toán: **01**

ĐVT: Đồng

| TT          | Nội dung                                                                      | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao         | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| <b>1</b>    | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách</b>                                        |                  |                      |                              |                                              |
| <b>1.1</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                     |                  |                      |                              |                                              |
| <b>1.2.</b> | <b>Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích</b>                                |                  |                      |                              |                                              |
| <b>2</b>    | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                         |                  | <b>9.456.085.000</b> | <b>40.000.000</b>            | <b>9.416.085.000</b>                         |
| <b>2.1</b>  | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)</b>   |                  | <b>1.339.140.000</b> | <b>20.000.000</b>            | <b>1.319.140.000</b>                         |
|             | <i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>                                       |                  |                      |                              |                                              |
|             | Chi thường xuyên                                                              | 341              | 1.339.140.000        | 20.000.000                   | 1.319.140.000                                |
| <b>2.2</b>  | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)</b>  |                  | <b>62.675.000</b>    | <b>0</b>                     | <b>62.675.000</b>                            |
|             | <i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>                                       |                  |                      |                              |                                              |
|             | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                  | 341              | 62.675.000           |                              | 62.675.000                                   |
| <b>2.3</b>  | <b>Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)</b>              |                  | <b>8.054.270.000</b> | <b>20.000.000</b>            | <b>8.034.270.000</b>                         |
|             | <i>Sự nghiệp môi trường</i>                                                   |                  | <i>7.948.000.000</i> | <i>20.000.000</i>            | <i>7.928.000.000</i>                         |
|             | Nhiệm vụ đơn đặt hàng: xử lý chất thải rắn, lỏng                              |                  | 7.748.000.000        |                              | 7.748.000.000                                |
|             | + <i>Nhiệm vụ xử lý chất thải rắn</i>                                         | 261              | 6.041.757.000        |                              | 6.041.757.000                                |
|             | + <i>Nhiệm vụ xử lý chất thải lỏng</i>                                        | 262              | 1.706.243.000        |                              | 1.706.243.000                                |
|             | Kinh phí bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu, kiểm tra khoáng sản | 272              | 200.000.000          | 20.000.000                   | 180.000.000                                  |
|             | <i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>                                       |                  | <i>106.270.000</i>   | <i>0</i>                     | <i>106.270.000</i>                           |
|             | Gia hạn phần mềm                                                              | 341-100          | 9.000.000            |                              | 9.000.000                                    |
|             | Mua sắm tài sản                                                               | 341-200          | 97.270.000           |                              | 97.270.000                                   |



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cát Hải

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1061715- Mã chương: 612 . Mã dự toán: 01

DVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                                                                                                              | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao  | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                                                                                       |                  |               |                              |                                              |
| 1.1 | Số thu phí, lệ phí                                                                                                                                    |                  |               |                              |                                              |
| 1.2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                                                                                               |                  |               |                              |                                              |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                                                                        |                  | 2.400.030.000 | 17.500.000                   | 2.382.530.000                                |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)                                                                                  |                  | 1.394.438.000 | 17.500.000                   | 1.376.938.000                                |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                                                                                      |                  |               |                              |                                              |
|     | Chi nghiệp vụ thường xuyên                                                                                                                            | 341              | 1.394.438.000 | 17.500.000                   | 1.376.938.000                                |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)                                                                                 |                  | 74.917.000    | 0                            | 74.917.000                                   |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                                                                                      |                  |               |                              |                                              |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                                                                                          | 341              | 74.917.000    |                              | 74.917.000                                   |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên được giao tự chủ (Mã nguồn 12)                                                                                         |                  | 930.675.000   | 0                            | 930.675.000                                  |
|     | Sự nghiệp kinh tế                                                                                                                                     |                  | 821.675.000   | 0                            | 821.675.000                                  |
|     | Sửa chữa kè 2 bên mang công tiêu thoát nước tổ dân phố Tiên Lộc đến cống Gia Lộc II Thị trấn Cát Hải (thực hiện thanh toán khi có thông báo kinh phí) | 338-200          | 521.675.000   |                              | 521.675.000                                  |
|     | Tết trồng cây: 170.000.000; Bảo hộ: 80.000.000; Chim di cư: 50.000.000; (Kinh phí cấp cho cơ quan chủ trì thực hiện theo kế hoạch)                    | 338-100          | 300.000.000   |                              | 300.000.000                                  |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                                                                                      |                  | 109.000.000   | 0                            | 109.000.000                                  |
|     | Gia hạn phần mềm                                                                                                                                      | 341-100          | 9.000.000     |                              | 9.000.000                                    |
|     | Mua sắm tài sản                                                                                                                                       | 341-200          | 100.000.000   |                              | 100.000.000                                  |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Nội vụ - Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội huyện Cát Hải

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1068168- Mã chương: 635 . Mã dự toán: 01

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                                           | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao   | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                    |                  |                |                              |                                              |
| 1.1 | Số thu phí, lệ phí                                                                 |                  |                |                              |                                              |
| 1.2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                            |                  |                |                              |                                              |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                     |                  | 22.980.690.000 | 47.500.000                   | 22.933.190.000                               |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)               |                  | 2.379.194.000  | 47.500.000                   | 2.331.694.000                                |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                   |                  | 2.279.194.000  | 47.500.000                   | 2.231.694.000                                |
|     | Chi nghiệp vụ thường xuyên                                                         |                  | 2.279.194.000  | 47.500.000                   | 2.231.694.000                                |
|     | + Phòng LĐTB và Xã hội                                                             | 341.             | 2.179.194.000  | 47.500.000                   | 2.131.694.000                                |
|     | + Hội người mù                                                                     | 362              | 100.000.000    | 0                            | 100.000.000                                  |
|     | Sự nghiệp Đảm bảo xã hội                                                           |                  | 100.000.000    | 0                            | 100.000.000                                  |
|     | Chi nghiệp vụ thường xuyên (QLNT)                                                  | 398              | 100.000.000    |                              | 100.000.000                                  |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)              |                  | 92.496.000     | 0                            | 92.496.000                                   |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                   |                  |                |                              |                                              |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                       | 341              | 92.496.000     |                              | 92.496.000                                   |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12 -100)                     |                  | 20.509.000.000 | 0                            | 20.509.000.000                               |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                   |                  | 1.310.000.000  | 0                            | 1.310.000.000                                |
|     | Kinh phí khen thưởng                                                               | 341              | 1.300.000.000  |                              | 1.300.000.000                                |
|     | Gia hạn phần mềm                                                                   | 341              | 10.000.000     |                              | 10.000.000                                   |
|     | Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo                                                      |                  | 500.000.000    | 0                            | 500.000.000                                  |
|     | Kinh phí khen thưởng                                                               | 098              | 500.000.000    |                              | 500.000.000                                  |
|     | Sự nghiệp Đảm bảo xã hội                                                           |                  | 18.699.000.000 | 0                            | 18.699.000.000                               |
|     | Kinh phí tặng quà Tết Nguyên Đán cho các đối tượng, quà trẻ em hoàn cảnh khó khăn, | 398              | 364.000.000    |                              | 364.000.000                                  |
|     | Kinh phí trợ cấp đối tượng hàng tháng, nghiệp vụ khác                              | 398              | 17.441.000.000 |                              | 17.441.000.000                               |
|     | Kinh phí tặng quà Tết Nguyên Đán NCC; ngày TBLS 27/7                               | 371              | 494.000.000    | 0                            | 494.000.000                                  |
|     | Kinh phí mai táng phí NCC                                                          |                  | 400.000.000    |                              | 400.000.000                                  |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Thanh tra huyện Cát Hải**

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1068169**- Mã chương: **637**. Mã dự toán: **01**

*ĐVT: Đồng*

| TT  | Nội dung                                                                                     | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao  | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                              |                  |               |                              |                                              |
| 1.1 | Số thu phí, lệ phí                                                                           |                  |               |                              |                                              |
| 1.2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                                      |                  |               |                              |                                              |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                               |                  | 1.025.872.000 | 12.500.000                   | 1.013.372.000                                |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)                         |                  | 887.893.000   | 12.500.000                   | 875.393.000                                  |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                             |                  |               |                              |                                              |
|     | Chi thường xuyên                                                                             | 341              | 887.893.000   | 12.500.000                   | 875.393.000                                  |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)                        |                  | 28.979.000    | 0                            | 28.979.000                                   |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                             |                  |               |                              |                                              |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                                 | 341              | 28.979.000    |                              | 28.979.000                                   |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)                                    |                  | 109.000.000   | 0                            | 109.000.000                                  |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                             |                  |               |                              |                                              |
|     | Chi từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước | 341-100          | 100.000.000   |                              | 100.000.000                                  |
|     | Gia hạn phần mềm                                                                             | 341-100          | 9.000.000     |                              | 9.000.000                                    |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Phòng Tư pháp huyện Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1061569**- Mã chương: **614**. Mã dự toán 01

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                              | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao  | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                       |                  |               |                              |                                              |
| 1.1 | Số thu phí, lệ phí                                                    |                  |               |                              |                                              |
| 1.2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                               |                  |               |                              |                                              |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                        |                  | 1.187.685.000 | 10.000.000                   | 1.177.685.000                                |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)  |                  | 1.072.076.000 | 10.000.000                   | 1.062.076.000                                |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                      |                  |               |                              |                                              |
|     | Chi nghiệp vụ thường xuyên                                            | 341              | 1.072.076.000 | 10.000.000                   | 1.062.076.000                                |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18) |                  | 41.109.000    | 0                            | 41.109.000                                   |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                      |                  |               |                              |                                              |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                          | 341              | 41.109.000    |                              | 41.109.000                                   |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)             |                  | 74.500.000    | 0                            | 74.500.000                                   |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                      |                  |               |                              |                                              |
|     | Gia hạn phần mềm                                                      | 341-200          | 9.000.000     |                              | 9.000.000                                    |
|     | Kinh phí mua sắm tài sản                                              | 341-200          | 65.500.000    |                              | 65.500.000                                   |



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch huyện Cát Hải

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1068167- Mã chương: 625 . Mã dự toán 01

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                                                                   | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao  | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                                            |                  |               |                              |                                              |
| 1.1 | Số thu phí, lệ phí                                                                                         |                  |               |                              |                                              |
| 1.2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                                                    |                  |               |                              |                                              |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                             |                  | 2.482.668.000 | 108.000.000                  | 2.374.668.000                                |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)                                       |                  | 1.274.224.000 | 15.000.000                   | 1.259.224.000                                |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                                           |                  |               |                              |                                              |
|     | Chi nghiệp vụ thường xuyên                                                                                 | 341              | 1.274.224.000 | 15.000.000                   | 1.259.224.000                                |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)                                      |                  | 64.444.000    | 0                            | 64.444.000                                   |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                                           |                  |               |                              |                                              |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                                               | 341              | 64.444.000    |                              | 64.444.000                                   |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12 -100)                                             |                  | 1.144.000.000 | 93.000.000                   | 1.051.000.000                                |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                                           |                  | 609.000.000   | 54.000.000                   | 555.000.000                                  |
|     | Kinh phí xúc tiến du lịch; thi cổ động trực quan, phong trào TĐĐKXĐSVH, đăng báo                           | 341              | 600.000.000   | 54.000.000                   | 546.000.000                                  |
|     | Gia hạn phần mềm                                                                                           | 341              | 9.000.000     |                              | 9.000.000                                    |
|     | Sự nghiệp kinh tế                                                                                          |                  | 535.000.000   | 39.000.000                   | 496.000.000                                  |
|     | Kinh phí chi đội liên ngành VHDL, in ấn pano quảng bá du lịch và NTM, KP vận hành phần mềm Quản lý du lịch | 338-100          | 535.000.000   | 39.000.000                   | 496.000.000                                  |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Văn phòng Huyện ủy Cát Hải

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1050831 - Mã chương 709. Mã NKT: 351. Mã dự toán: 01

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                                        | Dự toán giao   | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                 |                |                              |                                              |
| 1.1 | Số thu phí, lệ phí                                                              |                |                              |                                              |
| 1.2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                         |                |                              |                                              |
| 1.2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                         |                |                              |                                              |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                  | 15.528.815.000 | 622.338.400                  | 14.906.476.600                               |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên được giao tự chủ bằng lệnh chi tiền (Mã nguồn 13)      | 14.405.277.000 | 622.338.400                  | 13.782.938.600                               |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                |                |                              |                                              |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                                       | 14.405.277.000 | 622.338.400                  | 13.782.938.600                               |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên giao không tự chủ bằng lệnh chi tiền (Mã nguồn 18)     | 323.538.000    | 0                            | 323.538.000                                  |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                |                |                              |                                              |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                    | 323.538.000    |                              | 323.538.000                                  |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên được giao bằng theo lệnh chi tiền (Mã nguồn 12 ) | 800.000.000    | 0                            | 800.000.000                                  |
|     | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                | 800.000.000    | 0                            | 800.000.000                                  |
|     | Kinh phí mua sắm tài sản (12-200)                                               | 300.000.000    |                              | 300.000.000                                  |
|     | Chi phí số hóa tài liệu lưu trữ (12-100)                                        | 500.000.000    |                              | 500.000.000                                  |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Cát Hải

Mã quan hệ ngân sách: 1072934 - Mã chương: 710 - Mã dự toán : 01

ĐVT: Đồng

| TT   | Nội dung                                                                         | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao  | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1    | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                  |                  |               |                              |                                              |
| 1.1  | Số thu phí, lệ phí                                                               |                  |               |                              |                                              |
| 1.2. | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                          |                  |               |                              |                                              |
| 2    | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                   |                  | 1.324.037.000 | 7.500.000                    | 1.316.537.000                                |
| 2.1  | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)             |                  | 1.237.373.000 | 7.500.000                    | 1.229.873.000                                |
|      | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                 |                  |               |                              |                                              |
|      | Chi thường xuyên                                                                 | 361              | 1.237.373.000 | 7.500.000                    | 1.229.873.000                                |
| 2.2  | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)            |                  | 33.864.000    | 0                            | 33.864.000                                   |
|      | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                 |                  |               |                              |                                              |
|      | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                     | 361              | 33.864.000    | 0                            | 33.864.000                                   |
| 2.3  | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán được giao không tự chủ (Mã nguồn 12) |                  | 52.800.000    | 0                            | 52.800.000                                   |
|      | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                 |                  |               |                              |                                              |
|      | Gia hạn phần mềm                                                                 | 361-100          | 6.000.000     |                              | 6.000.000                                    |
|      | Mua sắm tài sản                                                                  | 361-200          | 46.800.000    | 0                            | 46.800.000                                   |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Ban chấp hành đoàn huyện Cát Hải**  
Mã quan hệ ngân sách: 1072935 - Mã chương: 711 - Mã dự toán : 01

ĐVT: Đồng

| TT   | Nội dung                                                                                           | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao  | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1    | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                                    |                  |               |                              |                                              |
| 1.1  | Số thu phí, lệ phí                                                                                 |                  |               |                              |                                              |
| 1.2. | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                                            |                  |               |                              |                                              |
| 2    | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                     |                  | 1.167.223.704 | 7.500.000                    | 1.159.723.704                                |
| 2.1  | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)                               |                  | 901.878.704   | 7.500.000                    | 894.378.704                                  |
|      | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                                   |                  |               |                              |                                              |
|      | Chi nghiệp vụ thường xuyên                                                                         | 361              | 901.878.704   | 7.500.000                    | 894.378.704                                  |
| 2.2  | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)                              |                  | 24.345.000    | 0                            | 24.345.000                                   |
|      | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                                   |                  |               |                              |                                              |
|      | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                                       | 361              | 24.345.000    | 0                            | 24.345.000                                   |
| 2.3  | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán được giao không tự chủ (Mã nguồn 12)                   |                  | 241.000.000   | 0                            | 241.000.000                                  |
|      | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                                   |                  |               |                              |                                              |
|      | Đại hội cháu ngoan Bác Hồ: 80.000.000, Bản đồ số hóa thông tin tra cứu du lịch Cát Bà: 100.000.000 | 361-100          | 180.000.000   |                              | 180.000.000                                  |
|      | Gia hạn phần mềm                                                                                   | 361-100          | 6.000.000     |                              | 6.000.000                                    |
|      | Mua sắm tài sản                                                                                    | 361-200          | 55.000.000    |                              | 55.000.000                                   |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Ban chấp hành Hội phụ nữ huyện Cát Hải**

Mã quan hệ ngân sách: 1072936 - Mã chương: 712 - Mã dự toán : 01

ĐVT: Đồng

| TT   | Nội dung                                                                         | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1    | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                  |                  |              |                              |                                              |
| 1.1  | Số thu phí, lệ phí                                                               |                  |              |                              |                                              |
| 1.2. | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                          |                  |              |                              |                                              |
| 2    | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                   |                  | 922.044.548  | 7.500.000                    | 914.544.548                                  |
| 2.1  | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)             |                  | 863.359,548  | 7.500.000                    | 855.859.548                                  |
|      | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                 |                  |              |                              |                                              |
|      | Chi thường xuyên                                                                 | 361              | 863.359.548  | 7.500.000                    | 855.859.548                                  |
| 2.2  | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)            |                  | 32.685.000   | 0                            | 32.685.000                                   |
|      | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                 |                  |              |                              |                                              |
|      | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                     | 361              | 32.685.000   |                              | 32.685.000                                   |
| 2.3  | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán được giao không tự chủ (Mã nguồn 12) |                  | 26.000.000   | 0                            | 26.000.000                                   |
|      | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                 |                  |              |                              |                                              |
|      | Gia hạn phần mềm                                                                 | 361-100          | 6.000.000    |                              | 6.000.000                                    |
|      | Chi mua sắm tài sản                                                              | 361-200          | 20.000.000   |                              | 20.000.000                                   |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Ban chấp hành Hội Nông dân huyện Cát Hải**

Mã quan hệ ngân sách: 1072937 - Mã chương: 713 - Mã dự toán : 01

ĐVT: Đồng

| TT          | Nội dung                                                                                | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao       | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| <b>1</b>    | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách</b>                                                  |                  |                    |                              |                                              |
| <b>1.1</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                               |                  |                    |                              |                                              |
| <b>1.2.</b> | <b>Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích</b>                                          |                  |                    |                              |                                              |
| <b>2</b>    | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                   |                  | <b>953.317.000</b> | <b>7.500.000</b>             | <b>945.817.000</b>                           |
| <b>2.1</b>  | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)</b>             |                  | <b>897.407.000</b> | <b>7.500.000</b>             | <b>889.907.000</b>                           |
|             | <i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>                                                 |                  |                    |                              |                                              |
|             | Chi thường xuyên                                                                        | 361              | 897.407.000        | 7.500.000                    | 889.907.000                                  |
| <b>2.2</b>  | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)</b>            |                  | <b>32.910.000</b>  | <b>0</b>                     | <b>32.910.000</b>                            |
|             | <i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>                                                 |                  |                    |                              |                                              |
|             | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                            | 361              | 32.910.000         |                              | 32.910.000                                   |
| <b>2.3</b>  | <b>Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán được giao không tự chủ (Mã nguồn 12)</b> |                  | <b>23.000.000</b>  | <b>0</b>                     | <b>23.000.000</b>                            |
|             | <i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>                                                 |                  |                    |                              |                                              |
|             | Gia hạn phần mềm                                                                        | 361-100          | 6.000.000          |                              | 6.000.000                                    |
|             | Mua sắm tài sản                                                                         | 361-200          | 17.000.000         |                              | 17.000.000                                   |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh huyện Cát Hải**

Mã quan hệ ngân sách: 1072371 - Mã chương: 714 - Mã dự toán : 01

ĐVT: Đồng

| TT   | Nội dung                                                                         | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1    | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                  |                  |              |                              |                                              |
| 1.1  | Số thu phí, lệ phí                                                               |                  |              |                              |                                              |
| 1.2. | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                          |                  |              |                              |                                              |
| 2    | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                   |                  | 778.556.000  | 7.500.000                    | 771.056.000                                  |
| 2.1  | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)             |                  | 734.357.000  | 7.500.000                    | 726.857.000                                  |
|      | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                 |                  |              |                              |                                              |
|      | Chi nghiệp vụ thường xuyên                                                       | 361              | 734.357.000  | 7.500.000                    | 726.857.000                                  |
| 2.2  | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)            |                  | 26.199.000   | 0                            | 26.199.000                                   |
|      | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                 |                  |              |                              |                                              |
|      | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                     | 361              | 26.199.000   |                              | 26.199.000                                   |
| 2.3  | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán được giao không tự chủ (Mã nguồn 12) |                  | 18.000.000   | 0                            | 18.000.000                                   |
|      | Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể                                                 |                  |              |                              |                                              |
|      | Gia hạn phần mềm                                                                 | 361-100          | 6.000.000    |                              | 6.000.000                                    |
|      | Mua sắm tài sản                                                                  | 361-200          | 12.000.000   |                              | 12.000.000                                   |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện )

**Tên đơn vị hưởng: Ban chỉ huy quân sự huyện Cát Hải**  
Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1053630- Mã chương: 799. Mã dự toán: 01

*ĐVT: Đồng*

| TT  | Nội dung                                                                                                                            | Mã khoản | Dự toán giao  | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|---------|
| 1   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                                                                     |          |               |                              |                                              |         |
| 1.1 | Số thu phí, lệ phí                                                                                                                  |          |               |                              |                                              |         |
| 1.2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                                                                             |          |               |                              |                                              |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                                                      |          | 2.307.000.000 | 230.700.000                  | 2.076.300.000                                |         |
| 2.1 | Dự toán chi không thường xuyên, không giao tự chủ (Mã nguồn 12) Thực hiện theo thông báo kinh phí được duyệt nhiệm vụ chi trong năm |          | 2.307.000.000 | 230.700.000                  | 2.076.300.000                                |         |
|     | Kinh phí quốc phòng                                                                                                                 | 011      | 2.307.000.000 | 230.700.000                  | 2.076.300.000                                |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện )

**Tên đơn vị hưởng: Công an huyện Cát Hải**

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1053629- Mã chương: 799. Mã dự toán: 01

*ĐVT: Đồng*

| TT  | Nội dung                                                                                                                                | Mã khoản | Dự toán giao  | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|---------|
| 1   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                                                                         |          |               |                              |                                              |         |
| 1.1 | Số thu phí, lệ phí                                                                                                                      |          |               |                              |                                              |         |
| 1.2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                                                                                 |          |               |                              |                                              |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                                                          |          | 1.135.000.000 | 113.500.000                  | 1.021.500.000                                |         |
| 2.1 | Dự toán chi không thường xuyên, không giao tự chủ (Mã nguồn 12-100) Thực hiện theo thông báo kinh phí được duyệt nhiệm vụ chi trong năm |          | 1.135.000.000 | 113.500.000                  | 1.021.500.000                                |         |
|     | Công tác an ninh trật tự, chi nghiệp vụ, phòng cháy chữa cháy....                                                                       | 041      | 1.135.000.000 | 113.500.000                  | 1.021.500.000                                |         |



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện )

Tên đơn vị hưởng: Đoàn Biên phòng Cát Bà

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1053630- Mã chương: 799. Mã khoản 011

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                                                                                               | Dự toán giao | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------|----------------------------------------------|---------|
| 1   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                                                                        |              |                              |                                              |         |
| 1.1 | Số thu phí, lệ phí                                                                                                                     |              |                              |                                              |         |
| 1.2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                                                                                |              |                              |                                              |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                                                         | 90.000.000   | 9.000.000                    | 81.000.000                                   |         |
| 2.1 | Dự toán chi không thường xuyên, không giao tự chủ (Mã nguồn 12)<br>Thực hiện theo thông báo kinh phí được duyệt nhiệm vụ chi trong năm | 90.000.000   | 9.000.000                    | 81.000.000                                   |         |
|     | Kinh phí an ninh biển đảo                                                                                                              | 90.000.000   | 9.000.000                    | 81.000.000                                   |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

**Tên đơn vị hưởng: Đồn Biên phòng Cát Hải**

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1053630- Mã chương: 799. Mã khoản 011

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                                                                                               | Dự toán giao | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------|----------------------------------------------|---------|
| 1   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách                                                                                                        |              |                              |                                              |         |
| 1.1 | Số thu phí, lệ phí                                                                                                                     |              |                              |                                              |         |
| 1.2 | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích                                                                                                |              |                              |                                              |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                                                         | 90.000.000   | 9.000.000                    | 81.000.000                                   |         |
| 2.1 | Dự toán chi không thường xuyên, không giao tự chủ (Mã nguồn 12)<br>Thực hiện theo thông báo kinh phí được duyệt nhiệm vụ chi trong năm | 90.000.000   | 9.000.000                    | 81.000.000                                   |         |
|     | Kinh phí an ninh biển đảo                                                                                                              | 90.000.000   | 9.000.000                    | 81.000.000                                   |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trung tâm Chính trị huyện**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1069777- Mã chương: 709**

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                                             | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao  | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                                                  |                  |               |                              | 0                                            |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                       |                  | 3.014.000.000 | 22.000.000                   | 2.992.000.000                                |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)                                  |                  | 709.000.000   | 6.000.000                    | 703.000.000                                  |
|     | Sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề                                                        |                  |               |                              |                                              |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                                            | 085              | 709.000.000   | 6.000.000                    | 703.000.000                                  |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)                             |                  | 33.000.000    | 0                            | 33.000.000                                   |
|     | Sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề                                                        |                  |               |                              |                                              |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                         | 085              | 33.000.000    |                              | 33.000.000                                   |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)                            |                  | 2.272.000.000 | 16.000.000                   | 2.256.000.000                                |
|     | Sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề                                                        |                  |               |                              |                                              |
|     | Gia hạn phần mềm                                                                     | 085-12-100       | 6.000.000     |                              | 6.000.000                                    |
|     | Mua sắm tài sản                                                                      | 085-12-200       | 266.000.000   | 16.000.000                   | 250.000.000                                  |
|     | Sửa chữa Trung tâm chính trị huyện Cát Hải (thực hiện sau khi có thông báo kinh phí) | 085-12-200       | 2.000.000.000 |                              | 2.000.000.000                                |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Trung tâm Văn hóa-Thông tin và Thể thao huyện Cát Hải

Mã quan hệ ngân sách: 1068173 - Mã chương: 625 - Mã dự toán : 01

ĐVT: Đồng

| TT         | Nội dung                                                                                              | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao         | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| <b>1</b>   | <b>Tổng chi</b>                                                                                       |                  | <b>7.655.156.320</b> | <b>94.700.000</b>            | <b>7.560.456.320</b>                         |
| <b>1</b>   | <b>Chi từ nguồn thu tại đơn vị</b>                                                                    |                  | <b>778.400.000</b>   | <b>0</b>                     | <b>778.400.000</b>                           |
|            | Sự nghiệp văn hóa                                                                                     |                  | 396.000.000          |                              | 396.000.000                                  |
|            | Sự nghiệp phát thanh                                                                                  |                  | 212.400.000          |                              | 212.400.000                                  |
|            | Sự nghiệp thể thao                                                                                    |                  | 170.000.000          |                              | 170.000.000                                  |
| <b>2</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                                 |                  | <b>6.876.756.320</b> | <b>94.700.000</b>            | <b>6.782.056.320</b>                         |
| <b>2.1</b> | <b>Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)</b>                                      |                  | <b>6.658.322.000</b> | <b>94.700.000</b>            | <b>6.563.622.000</b>                         |
|            | Sự nghiệp văn hóa                                                                                     | 161              | 4.518.470.000        | 44.000.000                   | 4.474.470.000                                |
|            | Chi thường xuyên                                                                                      |                  | 3.509.470.000        | 44.000.000                   | 3.465.470.000                                |
|            | Chi bổ sung nghiệp vụ                                                                                 |                  | 1.000.000.000        |                              | 1.000.000.000                                |
|            | Gia hạn phần mềm                                                                                      |                  | 9.000.000            |                              | 9.000.000                                    |
|            | Sự nghiệp phát thanh                                                                                  | 191              | 1.632.852.000        | 0                            | 1.632.852.000                                |
|            | Chi nghiệp vụ                                                                                         |                  | 316.000.000          |                              | 316.000.000                                  |
|            | Sửa chữa Trụ sở Trung tâm Văn hóa-TT-TT (Đài phát thanh cũ) (thực hiện sau khi có thông báo kinh phí) |                  | 1.316.852.000        |                              | 1.316.852.000                                |
|            | Sự nghiệp thể thao                                                                                    | 221              | 507.000.000          | 50.700.000                   | 456.300.000                                  |
|            | Chi nghiệp vụ                                                                                         |                  | 507.000.000          | 50.700.000                   | 456.300.000                                  |
| <b>2.2</b> | <b>Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 18)</b>                                      |                  | <b>218.434.320</b>   | <b>0</b>                     | <b>218.434.320</b>                           |
|            | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                                          | 161              | 218.434.320          |                              | 218.434.320                                  |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025***(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện)*Tên đơn vị hưởng: **Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện**

Mã quan hệ ngân sách: 1016354- Mã chương: 799 - Mã dự toán : 01

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao  | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Tổng chi                                                                                                                                                                                                                  |                  | 2.400.000.000 | 0                            | 2.400.000.000                                |
| 1   | Chi từ nguồn thu tại đơn vị                                                                                                                                                                                               |                  |               |                              |                                              |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                                                                                                                                            |                  | 2.400.000.000 | 0                            | 2.400.000.000                                |
| 2.1 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)                                                                                                                                                                 |                  | 2.400.000.000 | 0                            | 2.400.000.000                                |
|     | Sự nghiệp môi trường                                                                                                                                                                                                      | 261              | 900.000.000   | 0                            | 900.000.000                                  |
|     | Sửa chữa tuyến đường 356 đoạn từ ngã 3 tổ dân phố Tiến Lộc đến bãi rác Đồng Sam <i>(thực hiện sau khi có thông báo kinh phí)</i>                                                                                          |                  | 900.000.000   |                              | 900.000.000                                  |
|     | Sự nghiệp giao thông thị chính                                                                                                                                                                                            | 312              | 1.500.000.000 | 0                            | 1.500.000.000                                |
|     | Sửa chữa tuyến đường hoa và các điểm vọng cảnh thuộc Dự án Trồng hoa hai bên tuyến đường xuyên đảo Cát Bà phục vụ phát triển du lịch bị thiệt hại do bão số 3 (bão Yagi) <i>(thực hiện sau khi có thông báo kinh phí)</i> |                  | 1.500.000.000 |                              | 1.500.000.000                                |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Sơn Ca**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1082642** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                                 | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                                      |            |          | 218.000.000   |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                           |            |          | 7.411.170.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ (Mã nguồn 13)                       |            |          | 6.772.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                                            |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                                |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương                            |            |          | 66.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                                | 01         | 071      | 6.706.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)                 |            |          | 270.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                                            |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                             | 01         | 071      | 270.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 12)           |            |          | 369.170.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                                            |            |          |               |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                                         | 01         | 071-100  | 17.000.000    |         |
|     | Sửa chữa trường mầm non Sơn Ca (thực hiện sau khi có thông báo kinh phí) | 01         | 071-200  | 352.170.000   |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non 3-2**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1014652** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 199.000.000   |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 8.037.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 7.705.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 68.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 | 01         | 071      | 7.637.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 315.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 071      | 315.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 071-100  | 17.000.000    |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Trần Châu**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1005918** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 62.000.000    |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 3.066.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 2.944.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 30.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 | 01         | 071      | 2.914.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 105.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 071      | 105.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 071-100  | 17.000.000    |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Xuân Đám**

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1107468** - Mã chương: **622**

*DVT: Đồng*

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 31.000.000    |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 1.719.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 1.640.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 20.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 | 01         | 071      | 1.620.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 62.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 071      | 62.000.000    |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 071-100  | 17.000.000    |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Phù Long**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1107471 - Mã chương: 622**

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                                   | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                                        |            |          | 65.000.000    |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                             |            |          | 3.714.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)                        |            |          | 2.787.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                                              |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                                  |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương                              |            |          | 30.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                                  | 01         | 071      | 2.757.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)                   |            |          | 110.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                                              |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                               | 01         | 071      | 110.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)                  |            |          | 817.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                                              |            |          |               |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                                           | 01         | 071-100  | 17.000.000    |         |
|     | Sửa chữa Trường mầm non Phù Long (thực hiện sau khi có thông báo kinh phí) | 01         | 071-200  | 800.000.000   |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non thị trấn Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1059800** - Mã chương: **622**

DVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 168.000.000   |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 6.561.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 6.290.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 52.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 | 01         | 071      | 6.238.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 254.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 071      | 254.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 071-100  | 17.000.000    |         |



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Trường Mầm non Sao Mai

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1059798 - Mã chương: 622

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 119.000.000   |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 4.623.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 4.445.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 58.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 | 01         | 071      | 4.387.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 161.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 071      | 161.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 071-100  | 17.000.000    |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Văn Phong**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1059799** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 88.000.000    |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 2.760.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 2.639.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 32.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 | 01         | 071      | 2.607.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 104.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 071      | 104.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 071-100  | 17.000.000    |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Hoàng Châu**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1107469** - Mã chương: **622** - Mã ngành KT: **491**

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 56.000.000    |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 2.691.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 2.573.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 24.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 | 01         | 071      | 2.549.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 101.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 071      | 101.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 071-100  | 17.000.000    |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hà Sen**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045607** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

| TT         | Nội dung                                                                                   | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền              | Ghi chú |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|----------------------|---------|
| <b>1</b>   | <b>Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị</b>                                                 |            |          | <b>62.000.000</b>    |         |
|            | <i>Khối THCS</i>                                                                           |            |          | <i>62.000.000</i>    |         |
| <b>2</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                      |            |          | <b>9.838.000.000</b> |         |
| <b>2.1</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)</b>                                 |            |          | <b>8.447.000.000</b> |         |
|            | <i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>                                                       |            |          |                      |         |
|            | Trong đó:                                                                                  |            |          |                      |         |
|            | <i>Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>                                       |            |          | <i>76.000.000</i>    |         |
|            | Tiểu học                                                                                   |            |          | 30.000.000           |         |
|            | Trung học cơ sở                                                                            |            |          | 46.000.000           |         |
|            | <i>Kinh phí chi thường xuyên</i>                                                           |            |          | <i>8.371.000.000</i> |         |
|            | Tiểu học                                                                                   | 01         | 072      | 3.084.000.000        |         |
|            | Trung học cơ sở                                                                            | 01         | 073      | 5.287.000.000        |         |
| <b>2.2</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)</b>                            |            |          | <b>374.000.000</b>   |         |
|            | <i>Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo</i>                                                       |            |          |                      |         |
|            | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                               | 01         | 073      | 374.000.000          |         |
| <b>2.3</b> | <b>Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)</b>                           |            |          | <b>1.017.000.000</b> |         |
|            | <i>Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo</i>                                                       |            |          |                      |         |
|            | Gia hạn phần mềm                                                                           | 01         | 073-100  | 17.000.000           |         |
|            | Sửa chữa Trường TH&THCS Hà Sen (cơ sở 1 và 2)<br>(thực hiện sau khi có thông báo kinh phí) | 01         | 073-200  | 1.000.000.000        |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xuân Đám**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045608** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 25.000.000    |         |
|     | Khối THCS                                                 |            |          | 25.000.000    |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 4.986.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 4.760.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 48.000.000    |         |
|     | Tiểu học                                                  |            |          | 16.000.000    |         |
|     | Trung học cơ sở                                           |            |          | 32.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 |            |          | 4.712.000.000 |         |
|     | Tiểu học                                                  | 01         | 072      | 2.059.000.000 |         |
|     | Trung học cơ sở                                           | 01         | 073      | 2.653.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 209.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 073      | 209.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 073-100  | 17.000.000    |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hiền Hào**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045605** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

| TT         | Nội dung                                                                   | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền              | Ghi chú |
|------------|----------------------------------------------------------------------------|------------|----------|----------------------|---------|
| <b>1</b>   | <b>Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị</b>                                 |            |          | <b>16.000.000</b>    |         |
|            | Khối Mầm non                                                               |            |          | 7.000.000            |         |
|            | Khối THCS                                                                  |            |          | 9.000.000            |         |
| <b>2</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                      |            |          | <b>5.552.000.000</b> |         |
| <b>2.1</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)</b>                 |            |          | <b>4.648.000.000</b> |         |
|            | Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo                                              |            |          |                      |         |
|            | Trong đó:                                                                  |            |          |                      |         |
|            | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương                              |            |          | 54.000.000           |         |
|            | Mầm non                                                                    |            |          | 6.000.000            |         |
|            | Tiểu học                                                                   |            |          | 16.000.000           |         |
|            | Trung học cơ sở                                                            |            |          | 32.000.000           |         |
|            | Kinh phí chi thường xuyên                                                  |            |          | 4.594.000.000        |         |
|            | Mầm non                                                                    | 01         | 071      | 724.000.000          |         |
|            | Tiểu học                                                                   | 01         | 072      | 1.581.000.000        |         |
|            | Trung học cơ sở                                                            | 01         | 073      | 2.289.000.000        |         |
| <b>2.2</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)</b>            |            |          | <b>187.000.000</b>   |         |
|            | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                                              |            |          |                      |         |
|            | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                               | 01         | 073      | 187.000.000          |         |
| <b>2.3</b> | <b>Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)</b>           |            |          | <b>717.000.000</b>   |         |
|            | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                                              |            |          |                      |         |
|            | Gia hạn phần mềm                                                           | 01         | 073-100  | 17.000.000           |         |
|            | Sửa chữa Trường TH&THCS Hiền Hào (thực hiện sau khi có thông báo kinh phí) | 01         | 073-200  | 700.000.000          |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Gia Luận**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045606** - Mã chương: **622**ĐVT: **Đồng**

| TT         | Nội dung                                                         | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền              | Ghi chú |
|------------|------------------------------------------------------------------|------------|----------|----------------------|---------|
| <b>1</b>   | <b>Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị</b>                       |            |          | <b>33.000.000</b>    |         |
|            | <i>Khối mầm non</i>                                              |            |          | <i>17.000.000</i>    |         |
|            | <i>Khối THCS</i>                                                 |            |          | <i>16.000.000</i>    |         |
| <b>2</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                            |            |          | <b>5.184.000.000</b> |         |
| <b>2.1</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)</b>       |            |          | <b>4.970.000.000</b> |         |
|            | <i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>                             |            |          |                      |         |
|            | Trong đó:                                                        |            |          |                      |         |
|            | <i>Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>             |            |          | <i>68.000.000</i>    |         |
|            | Mầm non                                                          |            |          | 8.000.000            |         |
|            | Tiểu học                                                         |            |          | 28.000.000           |         |
|            | Trung học cơ sở                                                  |            |          | 32.000.000           |         |
|            | <i>Kinh phí chi thường xuyên</i>                                 |            |          | <i>4.902.000.000</i> |         |
|            | Mầm non                                                          | 01         | 071      | 800.000.000          |         |
|            | Tiểu học                                                         | 01         | 072      | 1.443.000.000        |         |
|            | Trung học cơ sở                                                  | 01         | 073      | 2.659.000.000        |         |
| <b>2.2</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)</b>  |            |          | <b>197.000.000</b>   |         |
|            | <i>Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo</i>                             |            |          |                      |         |
|            | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                     | 01         | 073      | 197.000.000          |         |
| <b>2.3</b> | <b>Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)</b> |            |          | <b>17.000.000</b>    |         |
|            | <i>Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo</i>                             |            |          |                      |         |
|            | Gia hạn phần mềm                                                 | 01         | 073-100  | 17.000.000           |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phù Long**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045601** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

| TT         | Nội dung                                                                      | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền              | Ghi chú |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|----------------------|---------|
| <b>1</b>   | <b>Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị</b>                                    |            |          | <b>71.000.000</b>    |         |
|            | <i>Khối THCS</i>                                                              |            |          | <i>71.000.000</i>    |         |
| <b>2</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                         |            |          | <b>5.775.728.000</b> |         |
| <b>2.1</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)</b>                    |            |          | <b>5.098.000.000</b> |         |
|            | <i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>                                          |            |          |                      |         |
|            | Trong đó:                                                                     |            |          |                      |         |
|            | <i>Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>                          |            |          | <i>50.000.000</i>    |         |
|            | Tiểu học                                                                      |            |          | 18.000.000           |         |
|            | Trung học cơ sở                                                               |            |          | 32.000.000           |         |
|            | <i>Kinh phí chi thường xuyên</i>                                              |            |          | <i>5.048.000.000</i> |         |
|            | Tiểu học                                                                      | 01         | 072      | 2.297.000.000        |         |
|            | Trung học cơ sở                                                               | 01         | 073      | 2.751.000.000        |         |
| <b>2.2</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)</b>               |            |          | <b>223.000.000</b>   |         |
|            | <i>Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo</i>                                          |            |          |                      |         |
|            | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                  | 01         | 073      | 223.000.000          |         |
| <b>2.2</b> | <b>Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)</b>              |            |          | <b>454.728.000</b>   |         |
|            | <i>Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo</i>                                          |            |          |                      |         |
|            | Gia hạn phần mềm                                                              | 01         | 073-100  | 17.000.000           |         |
|            | Sửa chữa trường TH&THCS Phù Long<br>(thực hiện sau khi có thông báo kinh phí) | 01         | 073-200  | 437.728.000          |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Văn Phong**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045612** - Mã chương: **622**ĐVT: **Đồng**

| TT         | Nội dung                                                         | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền              | Ghi chú |
|------------|------------------------------------------------------------------|------------|----------|----------------------|---------|
| <b>1</b>   | <b>Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị</b>                       |            |          | <b>71.000.000</b>    |         |
|            | <i>Khối THCS</i>                                                 |            |          | <i>71.000.000</i>    |         |
| <b>2</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                            |            |          | <b>5.556.000.000</b> |         |
| <b>2.1</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)</b>       |            |          | <b>5.299.000.000</b> |         |
|            | <i>Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo</i>                              |            |          |                      |         |
|            | Trong đó:                                                        |            |          |                      |         |
|            | <i>Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>             |            |          | <i>52.000.000</i>    |         |
|            | Tiểu học                                                         |            |          | 20.000.000           |         |
|            | Trung học cơ sở                                                  |            |          | 32.000.000           |         |
|            | <i>Kinh phí chi thường xuyên</i>                                 |            |          | <i>5.247.000.000</i> |         |
|            | Tiểu học                                                         | 01         | 072      | 2.167.000.000        |         |
|            | Trung học cơ sở                                                  | 01         | 073      | 3.080.000.000        |         |
| <b>2.2</b> | <b>Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)</b>  |            |          | <b>240.000.000</b>   |         |
|            | <i>Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo</i>                             |            |          |                      |         |
|            | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                     | 01         | 073      | 240.000.000          |         |
| <b>2.3</b> | <b>Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)</b> |            |          | <b>17.000.000</b>    |         |
|            | <i>Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo</i>                             |            |          |                      |         |
|            | Gia hạn phần mềm                                                 | 01         | 073-100  | 17.000.000           |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hoàng Châu**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1046741** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                         | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền              | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------|------------|----------|----------------------|---------|
| 1   | <b>Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị</b>                       |            |          | <b>64.000.000</b>    |         |
|     | <i>Khối THCS</i>                                                 |            |          | <i>64.000.000</i>    |         |
| 2   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                            |            |          | <b>5.180.000.000</b> |         |
| 2.1 | <b>Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)</b>       |            |          | <b>4.940.000.000</b> |         |
|     | <i>Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo</i>                              |            |          |                      |         |
|     | Trong đó:                                                        |            |          |                      |         |
|     | <i>Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>             |            |          | <i>48.000.000</i>    |         |
|     | Tiểu học                                                         |            |          | 16.000.000           |         |
|     | Trung học cơ sở                                                  |            |          | 32.000.000           |         |
|     | <i>Kinh phí chi thường xuyên</i>                                 |            |          | <i>4.892.000.000</i> |         |
|     | Tiểu học                                                         | 01         | 072      | 1.879.000.000        |         |
|     | Trung học cơ sở                                                  | 01         | 073      | 3.013.000.000        |         |
| 2.2 | <b>Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)</b>  |            |          | <b>223.000.000</b>   |         |
|     | <i>Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo</i>                             |            |          |                      |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                     | 01         | 073      | 223.000.000          |         |
| 2.3 | <b>Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)</b> |            |          | <b>17.000.000</b>    |         |
|     | <i>Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo</i>                             |            |          |                      |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                                 | 01         | 073-100  | 17.000.000           |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nghĩa Lộ**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045610** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 99.000.000    |         |
|     | Khối THCS                                                 |            |          | 99.000.000    |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 9.000.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 8.600.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo                              |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 88.000.000    |         |
|     | Tiểu học                                                  |            |          | 36.000.000    |         |
|     | Trung học cơ sở                                           |            |          | 52.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 |            |          | 8.512.000.000 |         |
|     | Tiểu học                                                  | 01         | 072      | 3.937.000.000 |         |
|     | Trung học cơ sở                                           | 01         | 073      | 4.575.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 383.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 073      | 383.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 073-100  | 17.000.000    |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Trung học cơ sở thị trấn Cát Bà**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1082641** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

| TT  | Nội dung                                                                          | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền        | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|----------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                                               |            |          | 487.000.000    |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                    |            |          | 12.189.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)                               |            |          | 10.656.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo                                                      |            |          |                |         |
|     | Trong đó:                                                                         |            |          |                |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương                                     |            |          | 104.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                                         | 01         | 073      | 10.552.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)                          |            |          | 516.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                                                     |            |          |                |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                      | 01         | 073      | 516.000.000    |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)                         |            |          | 1.017.000.000  |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                                                     |            |          |                |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                                                  | 01         | 073-100  | 17.000.000     |         |
|     | Sửa chữa Trường THCS Thị trấn Cát Bà<br>(thực hiện sau khi có thông báo kinh phí) | 01         | 073-200  | 1.000.000.000  |         |



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Trường Trung học cơ sở thị trấn Cát Hải

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1045602 - Mã chương: 622 - Mã ngành KT: 493

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 193.000.000   |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 6.596.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 6.279.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo                              |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 62.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 | 01         | 073      | 6.217.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 300.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 073      | 300.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 073-100  | 17.000.000    |         |



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1045616 - Mã chương: 622

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          |               |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 9.831.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 9.414.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 90.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 | 01         | 072      | 9.324.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 400.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 072      | 400.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Giả hạn phần mềm                                          | 01         | 072-100  | 17.000.000    |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường tiểu học Chu Văn An**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045615** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 0             |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 6.493.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 6.216.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 58.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 | 01         | 072      | 6.158.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 260.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 072      | 260.000.000   |         |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 072-100  | 17.000.000    |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học Đoàn Đức Thái**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1059791** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 0             |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 6.786.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 6.501.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 62.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 | 01         | 072      | 6.439.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 268.000.000   |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 072      | 268.000.000   |         |
| 2.2 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 072-100  | 17.000.000    |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học Việt Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045609** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                  | Mã dự toán | Mã Khoản | Số tiền       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------|----------|---------------|---------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |            |          | 7.000.000     |         |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |            |          | 1.873.000.000 |         |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |            |          | 1.800.000.000 |         |
|     | Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Trong đó:                                                 |            |          |               |         |
|     | Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương             |            |          | 30.000.000    |         |
|     | Mầm non                                                   |            |          | 4.000.000     |         |
|     | Tiểu học                                                  |            |          | 26.000.000    |         |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 |            |          | 1.770.000.000 |         |
|     | Mầm non                                                   | 01         | 071      | 587.000.000   |         |
|     | Tiểu học                                                  | 01         | 072      | 1.183.000.000 |         |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |            |          | 56.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 01         | 072      | 56.000.000    |         |
| 2.2 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |            |          | 17.000.000    |         |
|     | Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo                             |            |          |               |         |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 01         | 072-100  | 17.000.000    |         |



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3994/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1006067- Mã chương: 622**

ĐVT: Đồng

| TT  | Nội dung                                                  | Mã ngành kinh tế | Dự toán giao  | 10% tiết kiệm thực hiện CCTL | Dự toán được thực hiện sau khi trừ tiết kiệm |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------|---------------|------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị                       |                  | 115.000.000   |                              | 115.000.000                                  |
| 2   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                            |                  | 3.383.000.000 | 40.000.000                   | 3.343.000.000                                |
| 2.1 | Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)       |                  | 2.866.000.000 | 24.000.000                   | 2.842.000.000                                |
|     | Sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề                             |                  |               |                              |                                              |
|     | Kinh phí chi thường xuyên                                 | 075              | 2.866.000.000 | 24.000.000                   | 2.842.000.000                                |
| 2.2 | Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)  |                  | 122.000.000   | 0                            | 122.000.000                                  |
|     | Sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề                             |                  |               |                              |                                              |
|     | Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP              | 075              | 122.000.000   |                              | 122.000.000                                  |
| 2.3 | Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12) |                  | 395.000.000   | 16.000.000                   | 379.000.000                                  |
|     | Sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề                             |                  |               |                              |                                              |
|     | Gia hạn phần mềm                                          | 075-12-100       | 17.000.000    |                              | 17.000.000                                   |
|     | Kinh phí mở lớp dạy nghề. 12-100                          | 075-12-100       | 378.000.000   | 16.000.000                   | 362.000.000                                  |